

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ST
TỈNH KT

Bản án: 02/2023/HSST

Ngày: 11/04/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Bá Tân Anh và bà Y Cam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Trần Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh KT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh KT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh KT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 03 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Ph; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21/06/1980 tại tỉnh ĐL; Nơi cư trú: Làng K', xã MR, huyện ST, tỉnh KT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 04/12; Cha đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1955 (*đã chết*); Mẹ đẻ: Trần Thị N, sinh năm 1955; Gia đình bị cáo có ba anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Võ Thị Bích Th, sinh năm: 1992; Bị cáo có bốn người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quang P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24/04/1978 tại tỉnh ND; Nơi cư trú: Thôn 2, xã SS, huyện ST, tỉnh KT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Cha đẻ: Nguyễn Xuân B, sinh năm 1955; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1956; Gia đình bị cáo có bốn anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có hai người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

- Về Nhân Thân:

Ngày 17/11/1996, có hành vi trộm cắp tài sản, bị Toà án nhân dân huyện ST tuyên phạt 04 (Bốn) tháng tù giam theo Bản án số 06/HSST ngày 14/3/1997 (đã được xoá án tích).

Ngày 13/4/2014, có hành vi “Đánh bạc” bị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 06 (Sáu) tháng tù giam tại Bản án số 400/2014/HSPT ngày 01/12/2014 (đã được xoá án tích).

Ngày 16/4/2018, có hành vi “Đánh bạc” bị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên phạt 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số 178/2019/HSPT ngày 24/7/2019 (đã được xoá án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Châu A; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/02/1987 tại tỉnh QN; Nơi cư trú: Thôn 4, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Cha đẻ: Châu H, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có ba anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Y Th, sinh năm: 1992; Bị cáo có hai người con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

4. Tống Thị Út H; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/04/1970 tại tỉnh QN; Nơi cư trú: Thôn 1, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Cha đẻ: Tống Ngọc H, sinh năm 1923 (đã chết); Mẹ đẻ: Trương Thị Q, sinh năm 1925 (đã chết); Gia đình bị cáo có năm anh em ruột, bị cáo là con út trong gia đình; Chồng: Võ Đình L, sinh năm: 1968; Bị cáo có hai người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2022. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 15/12/2022, Nguyễn Văn Ph (sinh năm: 1980; trú tại: Làng K', xã MR, huyện ST, tỉnh KT) đến thấp hương và ở lại nhà bà Phạm Thị L (bà ngoại của vợ Ph, đã mất) tại thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Quang P (sinh năm: 1978; trú tại thôn 2, xã SS, huyện ST, tỉnh KT), Châu A (sinh năm: 1987; trú tại: thôn 4, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT) và Tống Thị Út H (sinh năm: 1970; trú tại: thôn 1, thị trấn ST, huyện

ST, tỉnh KT) lần lượt đến thấp hương cho bà L, sau đó Ph, P, A, H ngồi uống nước tại phòng khách. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc ngồi uống nước Ph phát hiện có bộ bài Tây sẵn tại nhà nên đã rủ A, P, H đánh bài “Phỏm” ăn tiền, mọi người đồng ý. Sau đó Ph lấy bài Tây có sẵn và chặn của con Ph trải xuống nền phòng khách nhà bà L để đánh bài “Phỏm” ăn tiền.

Hình thức đánh bài “Phỏm” ăn thua bằng tiền cụ thể như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ (bài Tây) gồm 52 quân bài được trộn đều và chia cho mỗi người tham gia đánh bạc 09 (Chín) lá bài, còn người chia bài được 10 (Mười) lá bài, còn lại 15 (Mười lăm) lá để dưới chiếu bạc gọi là “Nọc”. Sau khi chia đủ quân bài và những người tham gia nhận bài của mình. Người chia bài được đánh đầu tiên cho người tiếp theo là người bên cạnh theo hướng cùng chiều kim đồng hồ, sau khi người chơi đánh bài thì người kế tiếp có thể “ăn” lá bài đó nếu việc “ăn” giúp người chơi có phỏm. Một phỏm tức là ba quân bài trở lên có cùng chất và số liên tiếp nhau hoặc ba quân bài cùng số nhưng khác chất. Nếu người chơi không “ăn” được quân bài của người mới đánh, sẽ bốc quân bài để dưới “Nọc” rồi tiếp tục lựa một lá bài trên bài của mình đánh cho người kế tiếp. Trong quá trình đánh bài nếu có người chơi “Ù” có nghĩa là có ba phỏm hoặc không còn cây để đánh thì sẽ thắng và những người chơi còn lại phải trả cho người đó số tiền là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trường hợp không có ai “Ù” thì khi bốc và đánh hết bài dưới “Nọc” thì sẽ hạ bài để tính điểm của người chơi. Cách tính điểm được quy ước dựa trên số tự nhiên trên lá bài của người chơi sau khi hạ phỏm, riêng lá A được tính 1 điểm, các lá bài J, Q, K sẽ được tính lần lượt là 11, 12 và 13 điểm. Sau khi tính điểm, ai có điểm thấp nhất sẽ là người thắng (người nhất) và sẽ được tiền của tất cả mọi người tham gia, cụ thể: Người về nhì là 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng), người về ba là 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng), người về cuối là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), ai không có phỏm (Cháy) sẽ mất số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Ngoài ra, người chơi còn quy ước nếu ai đèn làng (để đối phương ăn 03 cây), sẽ mất số tiền là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng), nếu ai để ăn “cây chột” có nghĩa là ăn lá bài ở lượt đánh cuối và hạ phỏm thì sẽ phải trả cho người ăn số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Quá trình ngồi đánh bạc dưới hình thức đánh “Phỏm” thắng thua bằng tiền thì vị trí từng người vòng tròn theo chiều kim đồng hồ bắt đầu từ Ph đến A, P và H.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện ST bắt quả tang Châu A, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Tống Thị Út H đang đánh bạc hình thức “Phỏm” thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng. Thu giữ các đồ vật, tài liệu sau: 104 (Một trăm lẻ bốn) lá bài Tây; 01 (Một) chặn, loại tối màu, kích thước 110x160 cm, đã qua sử dụng; Số tiền 10.170.000 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng) trên chiếu bạc (gồm: Ph số tiền 2.750.000 đồng, P số tiền 1.200.000 đồng, A số tiền 3.920.000 đồng, H số tiền 2.300.000 đồng); Số tiền 3.635.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) trên người P; Số tiền 80.000 đồng (Tám mươi ngàn đồng) trên người Ph.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Nguyễn Văn Ph sử dụng số tiền 4.285.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) vào mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt Phương thua còn lại số tiền là 2.830.000 đồng (*Hai triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*). Nguyễn Quang P sử dụng số tiền 5.800.000 đồng (*Năm triệu tám trăm ngàn đồng*) vào mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt Phần thua còn lại số tiền là 4.835.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng*). Châu A sử dụng số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*) vào mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt thắng nên có số tiền 3.920.000 đồng (*Ba triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng*). Tổng Thị Út H sử dụng số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) vào mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt thắng nên có số tiền 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSST ngày 08 tháng 03 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Châu A, Tổng Thị Út H về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Châu A, Tổng Thị Út H phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Ph** từ 15 (*Mười lăm*) đến 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023, là 1 tháng 27 ngày, quy đổi thành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã MR, huyện ST, tỉnh KT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph cho Ủy ban nhân dân xã MR, huyện ST, tỉnh KT nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã MR, huyện ST, tỉnh KT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Văn Ph phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Tổng Thị Út H** số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Thời hạn thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Châu A** từ 15 (*Mười lăm*) đến 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023, là 1 tháng 27 ngày, quy đổi thành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Châu A cho Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Châu A phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định.

Hình phạt bổ sung: Phạt Châu A số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Thời hạn thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quang P** từ 18 (*Mười tám*) đến 21 (*Hai mươi một*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023, là 1 tháng 27 ngày, quy đổi thành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã SS, huyện ST, tỉnh KT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Quang P cho Ủy ban nhân dân xã SS, huyện ST, tỉnh KT nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Châu A phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định.

Hình phạt bổ sung: Phạt Nguyễn Quang P số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Thời hạn thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 104 (*Một trăm lẻ bốn*) lá bài Tây là công cụ, phương tiện phạm tội; 01 (*Một*) chăn, loại tối màu, kích thước 110x160 cm, đã qua sử dụng, bị cáo Nguyễn Văn Ph không yêu cầu nhận lại.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 13.885.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng*), là số tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện ST, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi cấu thành tội phạm:* Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu và các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thể hiện tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSST ngày 08/03/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, do đó có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 15/12/2022, tại nhà bà Phạm Thị L thuộc thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT. Châu A, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Tống Thị Út H có hành vi đánh bài bằng hình thức “Phỏm” với mục đích ăn thua bằng tiền Việt Nam đồng nhằm thu lợi bất chính, với số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.885.000đ (*Mười ba triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo **Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Châu A, Tống Thị Út H** đã phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 01/CT-VKSST ngày 08 tháng 03 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tới trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đời sống hàng ngày của nhân dân trên địa bàn. Đánh bài bằng hình thức “Phỏm” được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội bị nhà nước ta nghiêm cấm bởi lẽ người bị thua bạc sẽ ảnh hưởng xấu tới cuộc sống của bản thân họ và gia đình họ, đồng thời có nguy cơ gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo đều có đủ nhận thức để biết rằng việc đánh bạc trái pháp luật thì sẽ bị Pháp luật xử lý. Nhưng vì động cơ mong muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng, trái pháp luật đã cùng nhau đánh bạc, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án, tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, vừa để giáo dục, cải tạo các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, vừa để răn đe phòng ngừa chung.

Thấy rằng, các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn mang tính tự phát, không có sự chuẩn bị, bàn bạc phân công nhau từ trước nên vai trò các bị cáo là như nhau. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Châu A, Tống Thị Út H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo Phương, Phấn, Âu có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân lại là lao động chính trong gia đình đông con và các bị cáo có trình độ học vấn thấp chưa học hết lớp 5 nên phân nào nhận thức còn nhiều hạn chế. Ngày 02/08/2013 bị cáo Nguyễn Văn Ph được Giám đốc Công an tỉnh Đắk Nông tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh tấn công, trấn áp tội phạm góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Bị cáo Tống Thị Út H là phụ nữ, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn đang phải đi thuê nhà ở, bản thân thường xuyên ốm đau, có tiền sử về bệnh tim, cao huyết áp. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Quang P có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù về hành vi đánh bạc, bị cáo Châu A có 01 tiền sự về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” nhưng các bị cáo không lấy làm bài học kinh nghiệm để tu chí làm ăn lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình lượng hình để đưa ra một mức án phù hợp với từng bị cáo. Xét thấy, quá trình điều tra đã tạm giam các bị cáo Phương, Phấn, Âu một thời gian cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo chăm lo cho gia đình và để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật để cải tạo tốt sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và xử lý:

+ Nộp số tiền 13.885.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) vào tài khoản của Công an huyện ST mở tại Kho bạc nhà nước huyện ST. Đây là số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

+ Nhập kho vật chứng: 104 (*Một trăm lẻ bốn*) lá bài Tây, 01 (*Một*) chặn, loại tời màu, kích thước 110x160 cm, đã qua sử dụng. Đây là công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[5] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Châu A, Tống Thị Út H phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Ph** 16 (*Mười sáu*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023, là 1 tháng 27 ngày, quy đổi thành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã MR, huyện ST, tỉnh KT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph cho Ủy ban nhân dân xã MR, huyện ST, tỉnh KT nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã MR, huyện ST, tỉnh KT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Văn Ph phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Tống Thị Út H** số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Thời hạn thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Châu A** 16 (*Mười sáu*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023, là 1 tháng 27 ngày, quy đổi thành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Châu A cho Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Châu A phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định.

Hình phạt bổ sung: Phạt Châu A số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Thời hạn thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quang P** 20 (*Hai mươi*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 10/02/2023, là 1 tháng 27 ngày, quy đổi thành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã SS, huyện ST, tỉnh KT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Quang P cho Ủy ban nhân dân xã SS, huyện ST, tỉnh KT nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn ST, huyện ST, tỉnh KT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Quang P phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định.

Hình phạt bổ sung: Phạt Nguyễn Quang P số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Thời hạn thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, sửa đổi bổ sung 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 104 (*Một trăm lẻ bốn*) lá bài Tây, 01 (*Một*) chăn, loại tối màu, kích thước 110x160 cm, đã qua sử dụng.

(*Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14 tháng 03 năm 2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện ST, tỉnh KT và Cơ quan Chỉ cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh KT*).

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 13.885.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) tiền Việt Nam đồng là tiền tang vật vụ án từ tài khoản tạm gửi số 3949.0.9058691.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện ST đến tài khoản

số 3949.0.1047676.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh KT mở tại Kho bạc Nhà nước huyện ST theo ủy nhiệm chi số 01/TM ngày 14 tháng 03 năm 2023.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 21; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục I phần A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo **Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Quang P, Châu A, Tổng Thị Út H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**11-04-2023**).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KT;
- VKSND tỉnh KT;
- VKS huyện ST;
- Công an huyện ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Sở tư pháp tỉnh KT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm

